

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2022.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 1/108, khóm K, Phường B, thành phố S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Thiệu Minh H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 1/108, khóm K, Phường B, thành phố S, tỉnh Đ.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Thiệu Minh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị N và anh H chung sống như vợ chồng từ năm

1993, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn do bận đi làm lo cuộc sống gia đình và cũng không hiểu biết quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H có quen người phụ nữ khác bên ngoài. Từ năm 2015, chị N và anh H không còn sống chung đến nay. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh H, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không thể hàn gắn trở lại chung sống được nên chị N yêu cầu ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/1994 và Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 21/3/2001. Các con đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

**** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Thiệu Minh H trình bày:***

- Về quan hệ vợ chồng: Anh H và chị N chung sống như vợ chồng từ năm 1993, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn do bận đi làm lo cuộc sống gia đình và cũng không am hiểu quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2015, anh H và chị N sống ly thân đến nay. Nay về hôn nhân anh H không còn tình cảm với chị N. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn, anh H đồng ý ly hôn chị N.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/1994 và Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 21/3/2001. Các con đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Thiệu Minh H; Về con chung, chia tài sản chung nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, xét thấy trường hợp vắng mặt của chị N không thuộc trường hợp đình chỉ vụ án. Đối với bị đơn là anh Thiệu Minh H có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nga và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là không hợp pháp, vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, chị N và anh H phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị N và anh H đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau, giữa chị N và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ cự cãi, nghi ngờ ghen tuông, không tin tưởng lẫn nhau. Dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt, không thể hàn gắn. Nay chị N và anh H xác định tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Thiệu Minh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H xác định Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/1994 và Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 21/3/2001, các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Thiệu Minh H.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 23/3/1994 và Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 21/3/2001, các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000526 ngày 14/01/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THA Dân sự TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND thành phố Sa Đéc;
- THA Dân sự thành phố Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phần